

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-PT

Ngày: 11-11-2021

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Hoàng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Thám

Ông Đào Chí Keo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 17/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 212/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bé E, sinh năm 1980, cư trú: xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bé E có ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983, cư trú: phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Bé N, sinh năm 1984, cư trú: xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1975, cư trú: xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1956, cư trú: xã B , huyện C , tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa ông P , bà Bé N , bà L có mặt, bà H vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần hai)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Bé E .

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Võ Thị Bé E trình bày bà và Võ Thị Bé N là chị em ruột nên bà cho bà Bé N vay tiền nhiều lần vào các ngày 02/02/2017 số tiền 440.000.000 đồng (gồm vốn 375.000.000 đồng và lãi 65.000.000 đồng) và ngày 06/02/2017 số tiền 220.000.000 đồng.

Bà Bé N có làm biên nhận và ký tên khi vay tiền của bà, mục đích vay mua bán, không hạn trả, lãi suất 6%/tháng bà Bé N không có đóng lãi, do đến hạn bà Bé N không thực hiện việc trả nợ, nên bà đến đòi lại số tiền trên nhiều lần nhưng bà Bé N hứa không trả. Nay bà yêu cầu bà Bé N trả số tiền 660.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Võ Thị Bé N trình bày: Bà và bà Bé E là chị em ruột, do bà và Lê Thị Kim H làm ăn thua lỗ, bà H đứng vay của bà Bé E số tiền 220.000.000 đồng và lãi tổng cộng số tiền 440.000.000 đồng, bà đồng ý cùng với bà H trả cho bà Bé E số tiền trên, biên nhận 375.000.000 đồng bà Bé N có ký tên. Đóng lãi từ 2017 cho đến 2019 tổng cộng số tiền mỗi tháng đóng 4.500.000 đồng/tháng. Đầu năm 2019 không đóng nữa lãi, bà có vay 110.000.000 đồng trả cho bà Bé E khi trả không có làm biên nhận nhưng có người làm chứng V , T , 9 O . Tiếp tục trả số tiền 40.000.000 đồng cho bà Bé E đưa cho bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1955 (bà L là mẹ ruột của bà và bà Bé E); còn thiếu lại 290.000.000 đồng. Đến ngày 28/3/2019 mỗi tháng trả 7.000.000 đồng trả đến 28/11/2019 đưa cho con bà Bé E tên Bùi Thị Lan A nhận tiền tổng cộng 63.000.000 đồng. Sau thời gian trên bà Bé E không nhận tiền trả dần tiếp tục, bà Bé N đưa tiền cho bà Nguyễn Thị L từ tháng 28/01/2020 đến tháng 06 /2020 là 49.000.000 đồng còn lại 178.000.000 đồng. Hiện nay, bà cho rằng chỉ còn nợ bà Bé N số tiền 178.000.000 đồng; nay bà Bé E yêu cầu trả 660.000.000 đồng bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà H về nội dung đơn khởi kiện của bà Bé E .

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 212/2020/DS-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

### **Áp dụng:**

- Các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Các Điều 26, 35, 126, 146, 147, 227, 228, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé E .
2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do bà Bé E rút lại yêu cầu đối với phần tính lãi suất.
3. Buộc bà Võ Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Bé E số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng.
4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện Võ Thị Bé E đối với số tiền 440.000.000 đồng.

**Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.**

Ngày 11/11/2020 bà Võ Thị Bé E kháng với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 212/2020/DS-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, buộc bà Võ Thị Bé N trả cho tôi số tiền vay 660.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất. Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí mà tôi đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện C .

### **Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Võ Thị Bé N trả cho bà Bé E số tiền 375.000.000đ; rút lại yêu cầu đối với số tiền 220.000.000đ theo nội dung biên nhận ngày 25/3/2018.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng số tiền 375.000.000đ là do bà Bé E cộng dồn cả vốn và lãi và bà đã trả được cho bà Bé E nhiều lần cả vốn và lãi, chỉ còn nợ lại bà Bé E 160.000.000đ tiền vốn gốc.

### **Phần tranh luận tại phiên tòa:**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Số tiền vốn gốc mà bà Bé N vay của bà Bé E là 595.000.000đ theo nội dung hai biên nhận nợ ngày 02/02/2017 và ngày 25/03/2018. Tuy nhiên vì nghĩ tình nghĩa chị em và không muốn đi lại nhiều lần nên rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Bé N trả số tiền 375.000.000đ. Việc bà Bé N cho rằng đã trả cho bà Bé E nhiều lần với số tiền hơn 210.000.000đ và chỉ còn nợ lại 160.000.000đ, bà Bé E không thừa nhận và bà Bé N cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên sẽ không được chấp nhận. Nếu bà Bé N không có thiện chí và không chấp nhận yêu cầu mà bà Bé E đưa ra thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm, vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

*Chứng cứ mà các đương sự đã nộp tại phiên tòa phúc thẩm:* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P người đại diện theo ủy quyền của bà Bé E đã nộp cho Hội đồng xét xử phúc thẩm 02 bản chính đối với biên nhận nợ ngày 02/02/2017 và ngày 25/3/2018.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:**

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng đó là không đưa bà Bùi Thị Lan A vào tham gia tố tụng trong vụ án, với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bỏ sót người tham gia tố tụng, không tiến hành việc đối chất giữa các đương sự và những người làm chứng như V, T, Chín O để làm rõ việc có hay không có bà Bé N đã trả tiền cho bà Bé E cả vốn và lãi thông qua bà L như lời bà Bé N đã trình bày.

Những thiếu sót của cấp sơ thẩm là không thể khắc phục được, do đó đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy bản án sơ thẩm số: 212/2020/DS-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện C và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Bé E nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần hai nhưng bà Lê Thị Kim H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó cần xét xử vắng mặt bà H theo thủ tục chung.

[3] Nội dung tranh chấp: Bà Bé E và bà Bé N là chị em ruột với nhau do có nhu cầu vay vốn để phục vụ cho việc làm ăn bà Bé N đã nhiều lần vay tiền của bà Bé E. Việc vay tiền có thể hiện bằng biên nhận nợ và có trả lãi hàng tháng.

Ở giai đoạn sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự không thống nhất với nhau về số nợ gốc mà bà Bé N đã vay của bà Bé E.

Bà Bé E cho rằng ngoài khoản tiền phải trả theo quyết định của bản án sơ thẩm thì bà Bé N còn vay của bà khoản tiền vốn là 375.000.000đ thể hiện bằng biên nhận nợ mà bà Bé N đã ký nhận vào ngày 02/02/2017, cùng với tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 65.000.000đ, cộng lại thành 440.000.000đ. Tổng số tiền mà bà Bé N phải thanh toán cho bà theo hai biên nhận nợ là 660.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Bé N trả số tiền vốn

375.000.000đ theo nội dung biên nhận ngày 02/02/2017 mà không yêu cầu đối với số tiền 220.000.000đ theo biên nhận ngày 25/03/2018.

Bà Bé N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khi cho rằng số tiền 375.000.000đ là do bà Bé E cộng dồn cả vốn và lãi. Tuy nhiên bà đã thanh toán nợ cho bà Bé E nhiều lần bao gồm cả vốn và lãi trong đó có trả cho Lan A là con của bà Bé E 63.000.000đ, bà Bé E nợ tiền mẹ của bà là bà L nợ ông V bà T a, Chín O và bà trả nợ thay cho bà bé E thông qua việc đưa tiền cho bà L, nên hiện nay chỉ còn nợ bà Bé E 160.000.000đ, do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và qua phần tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về thu thập chứng cứ và đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm:

Ở giai đoạn sơ thẩm kèm theo đơn khởi kiện bà Bé E nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm 02 biên nhận nợ. Tuy nhiên chỉ là bản phô tô không có công chứng chứng thực nhưng cấp sơ thẩm không ban hành văn bản yêu cầu đương sự giao nộp bản chính để kiểm tra, đối chiếu là chưa đúng trình tự thu thập chứng cứ, được quy định tại khoản 1 Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự và cũng từ những thiếu sót này đã dẫn đến việc, đối với số tiền vay 220.000000đ bản phô tô thì không có ngày tháng nhưng bản chính mà ông P giao nộp cho Tòa án cấp phúc thì lại có ngày tháng đó là ngày 25/3/2018.

Về đánh giá chứng cứ: Bà Bé N đã thừa nhận là có ký tên vào cả 02 biên nhận nợ ngày 02/02/2017 và biên nhận nợ ngày 25/3/2018 với số tiền vốn lần lượt là 375.000.000đ và 220.000.000đ. Tuy nhiên bà cho rằng chỉ vay của bà Bé E 220.000.000đ do không có khả năng thanh toán bà Bé N đã cộng dồn cả vốn và lãi là 375.000.000đ và làm biên nhận yêu cầu bà ký mà không lấy lại biên nhận ngày 02/02/2017. Bà Bé E không thừa nhận nội dung này và lời trình bày của bà Bé N là thiếu tính thuyết phục, bởi lẽ biên nhận ngày 02/02/2017 thể hiện nội dung bà vay của bà Bé E 375.000.000đ, biên nhận ngày 25/03/2018 là 220.000.000đ thì làm gì có việc cộng dồn số nợ thành 375.000.000đ.

Bà Bé Năm đã thừa nhận có ký tên vào: “giấy nợ” ngày 02/02/2017 với nội dung là có vay của bà Bé Em 375.000.000đ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm nhận định rằng biên nhận này bà Bé Em không ký không thể hiện được ý chí của bà, nên từ đó không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà với số tiền 375.000.000đ là không thuyết phục và không có căn cứ vững chắc.

Về nội dung bà Bé N cho rằng đã thanh toán nợ cho bà bé E nhiều lần cả vốn và lãi trong đó trả tiền vốn, cụ thể như: Trả số tiền vốn 63.000.000đ đưa cho con bà Bé E là Lan A tại thành phố Hồ Chí Minh, do bà Bé E nợ bà L 110.000.000đ nên bà Bé N trả nợ thay cho bà Bé E, bà E nợ bà V, bà T, chín O nên bà đưa cho bà L để trả nợ thay bà Bé E cho những người này, với số tiền hơn 40.000.000đ. Do đó bà chỉ còn nợ

lại bà Bé E 160.000.000đ, nguyên đơn đã không thừa nhận những gì mà bị đơn đã trình bày.

Tất cả những nội dung này chưa được cấp sơ thẩm cho tiến hành việc đối chất để làm rõ, nhằm xác định có hay không có việc bị đơn đã thanh toán được một khoản nợ cho nguyên đơn là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ nhằm để giải quyết triệt để vụ án.

Một thiếu sót nghiêm trọng khác của cấp sơ thẩm đó là không đưa bà Bùi Thị Lan A là con ruột của bà Bé E vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, người mà bà Bé N cho rằng đã đưa số tiền 63.000.000đ để trả cho bà Bé E, tại biên bản ghi lời khai ngày 07/05/2021 ở giai đoạn phúc thẩm cả bà Bé E và bà Lan A đều không thừa nhận nội dung này.

Về thủ tục tố tụng:

Trong cùng một buổi sáng vào các ngày 04 và 20/8/2020 Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lập hai biên bản khác nhau đó là biên bản đối chất và biên bản hòa giải. Tuy nhiên các biên bản này chỉ có một đương sự tham gia đó là bà Võ Thị Bé N vào ngày 04/08 và Võ Thị Bé E ngày 20/8 mà không có sự tham gia của các đương sự khác trong vụ án. Điều này là không đúng với quy định của pháp luật về đối chất và hòa giải được quy định tại Điều 100 và Điều 206, 207, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 100 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định: “...*Khi xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, người làm chứng Thẩm phán tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau...*”. Trong trường hợp này chỉ có một đương sự có mặt thì sẽ tiến hành đối chất với ai?.

Tương tự khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã quy định: “*Trong trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 207 của Bộ luật này thì Thẩm phán tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải*”.

Ngoài ra nội dung của biên bản đối chất ngày 20/8/2020 có nội dung ghi lại lời trình bày do bà Bé Em ký tên: “*Bà Bé N trình bày đầu năm 2019 không đóng nữa lãi có vay 110.000.000đ trả cho bà bé E khi trả không có làm biên nhận nhưng có người làm chứng V, T, 9 O. Tiếp tục trả số tiền 40.000.000đ cho bà bé E đưa cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1955(là mẹ ruột) còn thiếu lại 290.000.000đ. Đến ngày 28/3/2019 mỗi tháng trả 7.000.000đ trả đến 28/11/2019 đưa cho con bà Bé E tên Bùi Thị Lan A nhận tiền tổng cộng 63.000.000đ, sau thời gian trên bà Bé E không nhận tiền tiếp tục, bà bé N đưa tiền cho bà Nguyễn Thị L từ tháng 28/01/2020 đến tháng 06/2020 là 49.000.000đ, còn lại 178.000.000đ, nay bà bé E yêu cầu trả 660.000.000đ*”.

Với nội dung này không hiểu là cấp sơ thẩm muốn nói lên điều gì, có phải đây là sự nhầm lẫn khi đây là lời trình bày của bà Võ Thị Bé N mà lại nhầm qua bà Võ Thị Bé E ?.

Với những thiếu sót nghiêm trọng cả về nội dung và tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Xét thấy cần phải hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung, để việc giải quyết vụ án được triệt để hơn và quyền lợi của các bên đương sự trong vụ án được đảm bảo, theo quy định của pháp luật.

[8] Án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 212/2020/DS-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện C .

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác (nếu có) do các đương sự nộp sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Hoàn trả cho Bà Võ Thị Bé E 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0013875 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C , tỉnh An Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND tỉnh AG;
- TAND huyện C ;
- THA huyện C ;
- Toà Dân sự;
- Lưu Văn phòng Tòa án tỉnh;
- Phòng KTNV & THA;
- Đương sự “Đề thi hành”;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**Lê Thanh Hoàng**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





